

Với $a > 0; a \neq 1$ thì $a^x > 0$, " $x \in \mathbb{R}$ ". Suy ra tập giá trị của hàm số $y = a^x$ ($a > 0; a \neq 1$) là $(0; +\infty)$

Câu 3. Chọn đáp án A

Tập giá trị của hàm số $y = a^x$ là $(0; +\infty)$, tập giá trị của hàm số $y = \log_a x$ là \mathbb{R} .

Câu 4. Chọn đáp án A

Vì $0 < \sqrt{2} - 1 < 1$ nên hàm số $y = (\sqrt{2} - 1)^x$ nghịch biến trên khoảng $(-\infty; +\infty)$.

Câu 5. Chọn đáp án A

Vì $2007 \in \mathbb{R}^+$ nên hàm số xác định với mọi x .

Câu 6. Chọn đáp án A

Vì $-2 \in \mathbb{R}^-$ nên hàm số $y = (3x^2 - 1)^{-2}$ xác định khi $3x^2 - 1 \neq 0 \Leftrightarrow x \neq \pm \frac{1}{\sqrt{3}}$.

Câu 7. Chọn đáp án A

Vì $-e \notin \mathbb{R}$ nên hàm số xác định khi $x^2 - 3x + 2 > 0 \Leftrightarrow \begin{cases} x > 2 \\ x < 1 \end{cases}$.

Câu 8. Chọn đáp án A

Hàm số $\log_{0,5}(x+1)$ xác định khi $x+1 > 0 \Leftrightarrow x > -1$.

Câu 9. Chọn đáp án A

Hàm số $\log \sqrt{x^2 + x - 12}$ có nghĩa khi $x^2 + x - 12 > 0 \Leftrightarrow \begin{cases} x > 3 \\ x < -4 \end{cases}$.

Câu 10. Chọn đáp án A

Hàm số $\log_2 \frac{x+3}{2-x}$ có nghĩa khi $\frac{x+3}{2-x} > 0 \Leftrightarrow -3 < x < 2$.

Câu 11. Chọn đáp án A

Hàm số $y = \frac{1}{\sqrt{2-x}} + \ln(x-1)$ xác định khi $\begin{cases} 2-x > 0 \\ x-1 > 0 \end{cases} \Rightarrow 1 < x < 2$.

Câu 12. Chọn đáp án A

Hàm số $y = \frac{e^x}{e^x - 1}$ xác định khi $e^x - 1 \neq 0 \Leftrightarrow x \neq 0$.

Câu 13. Chọn đáp án A

Hàm số $y = \sqrt{-2x^2 + 5x - 2} + \ln \frac{1}{x^2 - 1}$ xác định khi

$$\begin{cases} -2x^2 + 5x - 2 \geq 0 \\ x^2 - 1 > 0 \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} \frac{1}{2} \leq x \leq 2 \\ \begin{cases} x > 1 \\ x < -1 \end{cases} \end{cases} \Rightarrow 1 < x \leq 2$$

Câu 14. Chọn đáp án A

Hàm số $y = \ln(\ln(x))$ xác định khi $\begin{cases} x > 0 \\ \ln x > 0 \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} x > 0 \\ x > 1 \end{cases} \Rightarrow x > 1$.

Câu 15. Chọn đáp án A

Vì $-2 \in \mathbb{R}^-$ nên hàm số $y = (3^x - 9)^{-2}$ xác định khi $3^x - 9 \neq 0 \Leftrightarrow x \neq 2$.

Câu 16. Chọn đáp án A

Hàm số $y = \log_{x-1} x$ xác định khi $\begin{cases} x > 0 \\ x-1 > 0 \\ x-1 \neq 1 \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} x > 0 \\ x > 1 \\ x \neq 2 \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} x > 1 \\ x \neq 2 \end{cases}$.

Câu 17. Chọn đáp án A

Nhận thấy đây là đồ thị hàm số dạng $y = a^x$. Ta có $A(0;1)$ và $B(2;2)$ thuộc đồ thị hàm số.

Suy ra, $\begin{cases} a^0 = 1 \\ a^2 = 2 \\ a > 0 \end{cases} \Rightarrow a = \sqrt{2}$. Hàm số là $y = (\sqrt{2})^x$.

Câu 18. Chọn đáp án A

$y = (x-1)^{\frac{1}{3}} \Rightarrow y' = \frac{1}{3}(x-1)' \cdot (x-1)^{\frac{1}{3}-1} = \frac{1}{3}(x-1)^{-\frac{2}{3}} = \frac{1}{3\sqrt[3]{(x-1)^2}}$.

Câu 19. Chọn đáp án A

$y = 4^{2x} \Rightarrow y' = (2x)' \cdot 4^{2x} \ln 4 = 2 \cdot 4^{2x} \ln 4$.

Câu 20. Chọn đáp án A

$y = \log_5 x \Rightarrow y' = \frac{1}{x \ln 5}$.

Câu 21. Chọn đáp án A

$y = \log_{0,5} x^2 \Rightarrow y' = (x^2)' \cdot \frac{1}{x^2 \ln 0,5} = \frac{2}{x \ln 0,5}$.

Câu 22. Chọn đáp án A

$y = \sin x + \log_3 x^3 \Rightarrow y' = \cos x + \frac{3x^2}{x^3 \ln 3} = \cos x + \frac{3}{x \ln 3}$.

Câu 23. Chọn đáp án A

$f(x) = \ln(x^4 + 1) \Rightarrow f'(x) = \frac{(x^4 + 1)'}{x^4 + 1} = \frac{4x^3}{x^4 + 1} \Rightarrow f'(0) = 0$.

Câu 24. Chọn đáp án A

$f(x) = e^{2017x^2} \Rightarrow f'(x) = 2 \cdot 2017x \cdot e^{2017x^2} \Rightarrow f'(0) = 0$.

Câu 25. Chọn đáp án A

$f(x) = x \cdot e^x \Rightarrow f'(x) = e^x + x \cdot e^x \Rightarrow f''(x) = e^x + e^x + x \cdot e^x \Rightarrow f''(1) = 3e$.

Câu 26. Chọn đáp án A

Nhận thấy đây là đồ thị hàm số $y = \log_a x$. Điểm $\left(\frac{1}{2}; -1\right)$ thuộc đồ thị hàm số nên

$$-1 = \log_a \frac{1}{2} \Rightarrow a^{-1} = \frac{1}{2} \Rightarrow \frac{1}{a} = \frac{1}{2} \Rightarrow a = 2. \text{ Hàm số là } y = \log_2 x.$$

Câu 27. Chọn đáp án A

Hàm số $y = x^\alpha$ có tập xác định thay đổi tùy theo α .

Câu 28. Chọn đáp án A

Hàm số lôgarit chỉ xác định khi $x > 0$ nên đồ thị hàm số nằm bên phải trục tung.

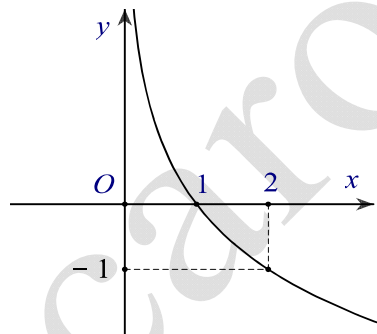
Câu 29. Chọn đáp án A

Đồ thị hàm số lôgarit nằm bên phải trục tung và cả dưới, cả trên trục hoành.

Câu 30. Chọn đáp án A

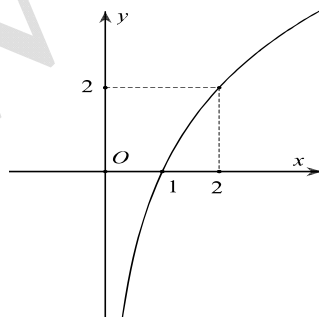
Nhận thấy đây là đồ thị hàm số $y = \log_a x$. Điểm $A(2; -1)$ thuộc đồ thị hàm số nên

$$-1 = \log_a 2 \Rightarrow a^{-1} = 2 \Rightarrow \frac{1}{a} = 2 \Rightarrow a = 0,5. \text{ Hàm số } y = \log_{0,5} x.$$



Câu 31. Chọn đáp án A

Đồ thị hàm số đi qua $A(2; 2) \Rightarrow 2 = \log_a 2 \Rightarrow a^2 = 2 \Rightarrow a = \sqrt{2}$.



Câu 32. Chọn đáp án A

$$\text{Hàm số xác định} \Leftrightarrow \frac{10-x}{x^2-3x+2} > 0 \Leftrightarrow x < 1 \text{ hoặc } 2 < x < 10$$

$$\text{Tập xác định } D = (-\infty; 1) \cup (2; 10)$$

Câu 33. Chọn đáp án A

$$\text{Hàm số xác định } \log_3(x-2) - 3 \geq 0 \Leftrightarrow \begin{cases} x-2 > 0 \\ x-2 \geq 2^3 \end{cases} \Leftrightarrow x \geq 29$$

$$\text{Tập xác định } D = [29; +\infty)$$

Câu 34. Chọn đáp án A

$$y = (x^2 + 2x)e^{-x} \Rightarrow y' = (x^2 + 2x)' e^{-x} + (e^{-x})' (x^2 + 2x)$$

$$\Rightarrow y' = (2x + 2)e^{-x} - e^{-x}(x^2 + 2x) = (-x^2 + 2)e^{-x}$$

Câu 35. Chọn đáp án A

Hàm số có tập xác định là $\mathbb{R} \Leftrightarrow x^2 - 2mx + 4 > 0, \forall x \in \mathbb{R} \Leftrightarrow \Delta' = m^2 - 4 < 0 \Leftrightarrow -2 < m < 2$

Câu 36. Chọn đáp án A. Sử dụng điều kiện xác định của các hàm số.

Câu 37. Chọn đáp án A

Sử dụng lý thuyết phép suy đồ thị.

Câu 38. Chọn đáp án A

$$y = ex + e^{-x} \Rightarrow y' = e - e^{-x}. \text{ Suy ra } y' = 0 \Leftrightarrow e - e^{-x} = 0 \Leftrightarrow x = -1$$

Câu 39. Chọn đáp án A

Nhận dạng đồ thị:

- Dựa vào đồ thị thì hàm đã cho đồng biến \Rightarrow loại C và D.
- Đồ thị đã cho qua điểm $A(2; 2)$. Thử với hai đáp án còn lại \Rightarrow loại B.

Câu 40. Chọn đáp án A

Trên đoạn $[-1; 1]$, ta có: $f'(x) = xe^x(x+2)$; $f'(x) = 0 \Leftrightarrow x = 0$ hoặc $x = -2$ (loại).

$$\text{Ta có: } f(-1) = \frac{1}{e}; f(0) = 0; f(1) = e$$

$$\text{Suy ra: } \max_{[-1;1]} f(x) = e$$

Câu 41. Chọn đáp án A

Sử dụng lý thuyết phép suy đồ thị.

Câu 42. Chọn đáp án A

$$\text{Hàm số xác định } \Leftrightarrow \begin{cases} x-1 > 0 \\ x-1 \neq 0 \end{cases} \Leftrightarrow x > 1$$

$$\text{Tập xác định } D = (1; +\infty)$$

Câu 43. Chọn đáp án A

$$\text{Đặt } t = |x|, \text{ với } x \in [-2; 2] \Rightarrow t \in [0; 2]$$

Xét hàm $f(t) = 2^t$ trên đoạn $[0; 2]$; $f(t)$ đồng biến trên $[0; 2]$

$$\max_{[-2;2]} y = \max_{[0;2]} f(t) = 4; \min_{[-2;2]} y = \min_{[0;2]} f(t) = 1$$

$$\text{Hoặc với } x \in [-2; 2] \Rightarrow |x| \in [0; 2]. \text{ Từ đây, suy ra: } 2^0 \leq 2^{|x|} \leq 2^2 \Leftrightarrow 1 \leq 2^{|x|} \leq 4$$

Câu 44. Chọn đáp án A

$$\text{Tập xác định } D = (0; +\infty); y' = \frac{1 - \ln x}{\ln^2 x}; y' = 0 \Leftrightarrow x = e$$

Hàm y' đổi dấu từ âm sang dương khi qua $x = e$ nên $x = e$ là điểm cực tiểu của hàm số.

Câu 45. Chọn đáp án A

Do $y = \log_a x$ và $y = \log_b x$ là hai hàm đồng biến nên $a, b > 1$

Do $y = \log_c x$ nghịch biến nên $c < 1$. Vậy c bé nhất.

Mặt khác: Lấy $y = m$, khi đó tồn tại $x_1, x_2 > 0$ để $\begin{cases} \log_a x_1 = m \\ \log_b x_2 = m \end{cases} \Rightarrow \begin{cases} a^m = x_1 \\ b^m = x_2 \end{cases}$

Để thấy $x_1 < x_2 \Rightarrow a^m < b^m \Rightarrow a < b$

Vậy $b > a > c$.

Câu 46. Chọn đáp án A

Hàm số xác định $\Leftrightarrow \begin{cases} 2m+1-x > 0 \\ x-m > 0 \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} x < 2m+1 \\ x > m \end{cases}$

Suy ra, tập xác định của hàm số là $D = (m; 2m+1)$, với $m \geq -1$.

Hàm số xác định trên $(2; 3)$ suy ra $(2; 3) \subset D \Leftrightarrow \begin{cases} m \leq 2 \\ 2m+1 \geq 3 \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} m \leq 2 \\ m \geq 1 \end{cases}$

Câu 47. Chọn đáp án A

Tập xác định $D = \mathbb{R}$

Đạo hàm: $y' = \ln(1 + \sqrt{1+x^2})$; $y' = 0 \Leftrightarrow 1 + \sqrt{1+x^2} = 1 \Leftrightarrow x = 0$

Lập bảng biến thiên :

x	$-\infty$	0	$+\infty$
y'	$+$	0	$-$
y			

Câu 48. Chọn đáp án A

$y = \ln \frac{1}{x+1} = -\ln(x+1) \Rightarrow y' = -\frac{1}{x+1}$

Ta có: $xy'+1 = x\left(-\frac{1}{x+1}\right)+1 = \frac{x}{x+1}+1 = \frac{1}{x+1}$, $e^y = e^{\ln \frac{1}{x+1}} = \frac{1}{x+1}$.

Câu 49. Chọn đáp án A

Ta biến đổi hàm số về dạng $y = \frac{e^{2x}-1}{e^{2x}+1} \Rightarrow y' = \frac{(e^{2x}-1)'(e^{2x}+1) - (e^{2x}+1)'(e^{2x}-1)}{(e^{2x}+1)^2} = \frac{4e^{2x}}{(e^{2x}+1)^2}$.

Câu 50. Chọn đáp án A

$y = x \sin x \Rightarrow y' = \sin x + x \cos x \Rightarrow y'' = 2 \cos x - x \sin x$

Ta có: $xy'' - 2y' + xy = x(2 \cos x - x \sin x) - 2(\sin x + x \cos x) + x(x \sin x) = -2 \sin x$

Câu 51. Chọn đáp án A

Do $y = a^x$ và $y = b^x$ là hai hàm đồng biến nên $a, b > 1$.

Do $y = c^x$ nghịch biến nên $c < 1$. Vậy x bé nhất.

Mặt khác: Lấy $x = m$, khi đó tồn tại $y_1, y_2 > 0$ để $\begin{cases} a^m = y_1 \\ b^m = y_2 \end{cases}$

Để thấy $y_1 < y_2 \Rightarrow a^m < b^m \Rightarrow a < b$

Vậy $b > a > c$.